TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIO LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/DS-ST.
Ngày 29/02/2024.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nhan Ngọc Đăng.
Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Lương Khoa và bà Nguyễn Thị Thu Hiền.
- *Thư ký phiên tòa*: ông Lê Thanh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gio Linh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Gio Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2023/TLST - DS ngày 20 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 , giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần () Bưu điện L1.
Địa chỉ: số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Hoàng Kim C - Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng TMCP L1 - Chi nhánh tỉnh Q; địa chỉ: số G, Quốc lộ I, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị - là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 201/2023/QĐ-LPB.QTR ngày 20/6/2023), có mặt.
Bị đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 và anh Phan Văn L, sinh năm 1984. Cùng trú tại địa chỉ: khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Phạm Văn V, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/8/2021, Ngân hàng TMCP L1 ký kết Hợp đồng tín dụng số HĐTD50D2021252 với bà Nguyễn Thị T và ông Phan Văn L, số tiền cấp tín dụng là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất 10.1%/năm, lãi nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả là

10%/năm. Sau đó, ngày 18/3/2022, ông, bà T, L tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020220222 với Ngân hàng số tiền là 800.000.000 đồng, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất 7.7%/năm, lãi nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả là 10%/năm. Tài sản bảo đảm của 02 hợp đồng vay là 03 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị T tại các Hợp đồng thế chấp số HĐTC50D2021115 ký ngày 20/8/2021, HĐTC50D2021116 ký ngày 20/8/2021 và HĐTC50D2021092 ký ngày 14/6/2021, gồm:

+ 01 GCNQSDĐ số DB 894592 do Sở T1 (TN&MT) tỉnh Quảng Trị cấp ngày 05/8/2021 tại thửa đất số 503, tờ bản đồ số 09 tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

+ 01 GCNQSDĐ số DB 894588 do Sở TN&MT tỉnh Quảng Trị cấp ngày 06/8/2021 tại thửa đất số 462, tờ bản đồ số 09 tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

+ 01 GCNQSDĐ số CX 992965 do Sở TN&MT tỉnh Quảng Trị cấp ngày 29/3/2021 tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 16 tại thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Trong quá trình vay, bị đơn đã thanh toán tiền gốc của cả 02 hợp đồng là 1.184.670.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, ngày 10/6/2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày khởi kiện (20/6/2023), bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền 1.145.775.555 đồng, trong đó tiền gốc là 1.115.330.000 đồng; lãi trong hạn 30.326.561 đồng; lãi quá hạn 118.994 đồng.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của các hợp đồng trên, nên Ngân hàng TMCP L1 đề nghị Tòa án yêu cầu ông, bà L, T phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi của các hợp đồng tín dụng trên, đồng thời bị đơn phải có trách nhiệm trả khoản lãi phát sinh sau ngày 20/6/2023 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Nếu ông, bà L, T không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì Ngân hàng TMCP L1 được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là 03 GCNQSDĐ mang tên ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị T tại các Hợp đồng thế chấp số HĐTC50D2021115 ký ngày 20/8/2021, HĐTC50D2021116 ký ngày 20/8/2021 và HĐTC50D2021092 ký ngày 14/6/2021. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền (tính đến ngày 29/02/2024) là 1.260.103.378 đồng (*một tỷ hai trăm sáu mươi triệu một trăm lẻ ba nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*), trong đó tiền gốc là 1.115.330.000 đồng; lãi trong hạn 139.242.877 đồng; lãi quá hạn 5.530.501 đồng.

Về phía bị đơn: quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: qua xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 264, tờ bản đồ số 16 tại thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị thấy:

một phần diện tích chuồng lợn là 6,2 m^2 của ông Phạm Văn V nằm trên diện tích đất của ông, bà L, T theo GCNQSDĐ số CX 992965 do Sở TN&MT tỉnh Quảng Trị cấp ngày 29/3/2021. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Phan Văn V1, nhưng anh V1 đều không có ý kiến liên quan đến vụ án cũng như không tham gia vào các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng là đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, trong quá trình tham gia tố tụng kể từ khi bổ sung người tham gia tố tụng và quá trình giải quyết vụ án vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan .

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền (tính đến ngày 29/02/2024) là 1.260.103.378 đồng (một tỷ hai *trăm sáu mươi triệu một trăm lẻ ba nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*), trong đó tiền gốc là 1.115.330.000 đồng; lãi trong hạn 139.242.877 đồng; lãi quá hạn 5.530.501 đồng. Và tiền lãi phát sinh theo quy định của hợp đồng tín dụng được ký kết.

Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về chi phí tố tụng: bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[**1**]. *Về quan hệ tranh chấp*: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi đến ngày 29/02/2024 là 1.260.103.378 đồng (*một tỷ hai trăm sáu mươi triệu một trăm lẻ ba nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*), trong đó tiền gốc là 1.115.330.000 đồng; lãi trong hạn 139.242.877 đồng; lãi quá hạn 5.530.501 đồng theo 02 hợp đồng tín dụng số HĐTD46020220222 ngày 18/03/2022; HĐTD50D2021252 ngày 20/08/2021. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

[**2**] *Về thẩm quyền giải quyết*: bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn L có nơi cư trú tại địa chỉ: khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gio Linh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[**3**]. *Về thủ tục tố tụng*: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Gio

Linh đã cấp tống đạt hợp lệ Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của BLTTDS nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4]. Về nội dung vụ án:

[**4.1**] Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn:

Ngày 20/8/2021, Ngân hàng TMCP L1 ký kết Hợp đồng tín dụng số HĐTD50D2021252 với bà Nguyễn Thị T và ông Phan Văn L, số tiền cấp tín dụng là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất 10.1%/năm, lãi nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả là 10%/năm.

Đến ngày 18/3/2022, ông, bà T, L tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020220222 với Ngân hàng số tiền là 800.000.000 đồng, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất 7.7%/năm, lãi nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả là 10%/năm.

Để đảm bảo khoản các khoản vay này, nguyên đơn và bị đơn đã ký kết các Hợp đồng thế chấp số HĐTC50D2021115 ký ngày 20/8/2021, HĐTC50D2021116 ký ngày 20/8/2021 và HĐTC50D2021092 ký ngày 14/6/2021, các Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật, tài sản đảm bảo gồm:

+ 01 GCNQSDĐ số DB 894592 do Sở T1 (TN&MT) tỉnh Quảng Trị cấp ngày 05/8/2021 tại thửa đất số 503, tờ bản đồ số 09 tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

+ 01 GCNQSDĐ số DB 894588 do Sở TN&MT tỉnh Quảng Trị cấp ngày 06/8/2021 tại thửa đất số 462, tờ bản đồ số 09 tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

+ 01 GCNQSDĐ số CX 992965 do Sở TN&MT tỉnh Quảng Trị cấp ngày 29/3/2021 tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 16 tại thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Xét thấy, chủ thể tham gia ký kết hợp đồng Hợp đồng tín dụng số HĐTD50D2021252 ngày 20/8/2021, Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020220222 ngày 18/3/2022, các Hợp đồng thế chấp số HĐTC50D2021115 ký ngày 20/8/2021, HĐTC50D2021116 ký ngày 20/8/2021 và HĐTC50D2021092 ký ngày 14/6/2021 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tham gia ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của các Hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 177 Bộ luật Dân sự, thì Hợp đồng tín dụng số HĐTD50D2021252 ngày 20/8/2021, Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020220222 ngày 18/3/2022, các Hợp đồng thế chấp số HĐTC50D2021115 ký ngày 20/8/2021,

HĐTC50D2021116 ký ngày 20/8/2021 và HĐTC50D2021092 ký ngày 14/6/2021 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật.

[**4.2**] Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau khi ký kết các hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã giải ngân số tiền cho vay theo đúng quy định của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong quá trình vay, bị đơn đã thanh toán tiền gốc của cả 02 hợp đồng là 1.184.670.000 đồng. Đến ngày 20/6/2023, các khoản vay của bị đơn đã quá hạn thanh toán tiền lãi. Cụ thể: tiền lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số HĐTD50D2021252 ngày 20/8/2021, tính đến ngày xét xử (29/02/2024) là 3.114.155 đồng; tiền lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020220222 ngày 18/3/2022, tính đến ngày xét xử (29/02/2024) là 2.416.346 đồng. Như vậy, bị đơn đã vi phạm khoản 14 Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 23/8/2021 và khoản 15 Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 21/3/2022.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.260.103.378 đồng (*một tỷ hai trăm sáu mươi triệu một trăm lẻ ba nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*), trong đó nợ gốc là 568.750.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 76.498.974 đồng và tiền lãi quá hạn là 3.114.155 đồng tính đến ngày 29/02/2024 của Hợp đồng tín dụng số HĐTD50D2021252 ngày 20/8/2021 và nợ gốc là 546.580.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 62.743.903 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.416.346 đồng tính đến ngày 29/02/2024 của Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020220222 ngày 18/3/2022. Và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/3/2024 đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng hợp đồng tín dụng số HĐTD46020220222 ngày 18/03/2022 và Hợp đồng hợp đồng tín dụng số HĐTD50D2021252 ngày 20/08/2021.

Trong trường hợp chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn L không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gio Linh phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

+ Diện tích đất 119 m^2 tại thửa đất số 503, tờ bản đồ số 09 tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị được Sở T1 (TN&MT) tỉnh Quảng Trị cấp GCNQSDĐ số DB 894592 ngày 05/8/2021.

+ Diện tích đất 114 m^2 tại thửa đất số 462, tờ bản đồ số 09 tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị do Sở TN&MT tỉnh Q cấp GCNQSDĐ số DB 894588 ngày 06/8/2021.

+ Diện tích đất 235 m^2 tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 16 tại thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị do Sở TN&MT tỉnh Q cấp ngày 29/3/2021 GCNQSDĐ số CX 992965 ngày 29/3/2021. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp này, thì anh Phạm Văn V phải di dời phần tài sản nằm trên diện tích đất này (có sơ đồ vị trí kèm theo).

[5]. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Nguyên

đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về chi phí tố tụng: bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn L phải chịu 12.135.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 159, khoản 1 và khoản 2 Điều 192; Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 90, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử :

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn L phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền (tính đến ngày 29/02/2024) là 1.260.103.378 đồng (*một tỷ hai trăm sáu mươi triệu một trăm lẻ ba nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*), trong đó tiền gốc là 1.115.330.000 đồng; lãi trong hạn 139.242.877 đồng; lãi quá hạn 5.530.501 đồng theo 02 hợp đồng tín dụng số HĐTD46020220222 ngày 18/03/2022; HĐTD50D2021252 ngày 20/08/2021.

Từ ngày 01/3/2024 cho đến khi trả hết số nợ vay, chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn L phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất quy định tại Hợp đồng hợp đồng tín dụng số HĐTD46020220222 ngày 18/03/2022 và Hợp đồng hợp đồng tín dụng số HĐTD50D2021252 ngày 20/08/2021.

Trường hợp chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn L không trả nợ hoặc chỉ trả được 01 phần thì Ngân hàng TMCP L1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm là:

- Diện tích đất 119 m^2 tại thửa đất số 503, tờ bản đồ số 09 tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị được Sở T1 (TN&MT) tỉnh Quảng Trị cấp GCNQSDĐ số DB 894592 ngày 05/8/2021,

- Diện tích đất 114 m^2 tại thửa đất số 462, tờ bản đồ số 09 tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị do Sở TN&MT tỉnh Q cấp GCNQSDĐ số DB 894588 ngày 06/8/2021 và chỉnh lý ngày 13/8/2021 chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn L.

+ Diện tích đất 235 m^2 tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 16 tại thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị do Sở TN&MT tỉnh Q cấp ngày 29/3/2021 GCNQSDĐ số CX 992965 ngày 29/3/2021 và chỉnh lý ngày 28/4/2021 chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn L. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp này, thì anh Phạm Văn V phải di dời phần tài sản nằm trên diện tích đất này (có sơ đồ vị trí kèm theo).

- Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp mà không thu đủ nợ thì khoản nợ còn lại chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn L có trách nhiệm tiếp tục thanh toán.

[2]. Về án phí: bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn L phải chịu 49.803.101 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 24.320.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số CC/2022/0000301 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh.

[3]. Về chi phí tố tụng: chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn L phải chịu 12.135.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn L có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền 12.135.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Gio Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Gio Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nhan Ngọc Đăng